

Bản án số: **39 /2024/HC-ST**

Ngày: 27/3/2024

*Về việc: Khiếu kiện các Quyết
định hành chính trong lĩnh vực
đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết Mai

Bà Phạm Thị Mai Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 121/2023/HCST ngày 20/3/2023 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 26/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa 31/2024/QĐXX-ST ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Chị Đào Thị Phương A, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Ông Đào Văn T (tức **Đào Tấn T1**), sinh năm: 1947;

3. Bà Đỗ Thị S, sinh năm: 1951.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh D – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho ông Hoàng Hải Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số G, C, Đ, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đình S1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, Hà Nội.

Địa chỉ: Xóm N, U, Đ, Hà Nội.

2. Anh Đào Tấn S2, sinh năm: 1975;

3. Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm: 1981;

4. Chị Đào Thị Bích D1, sinh năm: 1978;

Đều trú tại: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

5. Chị Đào Thị Bích T2, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ A thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ông T1, bà S, anh S2, chị H, chị D1, chị T2 cùng ủy quyền cho chị Đào Thị Phương A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, chị Đào Thị Phương A trình bày như sau:

Ông Đào Tấn T1, con trai Liệt sỹ Đào Văn N. Năm 1966 ông T1 tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến đấu ở chiến trường M. Năm 1971 ông T1 được cử ra Bắc học và về địa phương thì đất của gia đình ông đã giao cho người dân sơ tán khác. Năm 1973 chính quyền địa phương đã cấp cho ông T1 thửa đất số 50 và 52, tờ bản đồ số 76 tại địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội.

Ngày 25/8/2004, hộ gia đình ông T1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) mã số Đ 256387 tại thửa đất số 50 và 52, tờ bản đồ số 76 tại địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội.

Ngày 17/11/2004 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất mã số Đ 256387 của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại Thôn Đ, U, Đ, Hà Nội.

Không đồng ý với Quyết định số 1158/QĐ-UBND, ông Đào Tấn T1 đã khiếu nại Quyết định đến Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Ngày 17/4/2009 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1: Kết luận việc khiếu nại của ông Đào Tấn T1 là không có cơ sở.

Ngày 09/11/2021 chị và ông T1, bà S đã gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đến TAND huyện Đông Anh. TAND huyện Đông Anh đã chuyển vụ án theo thẩm quyền lên TAND Thành phố Hà Nội. Chị và ông T1, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị TAND Thành phố Hà Nội như sau:

1. Hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất mã số Đ 256387 của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại Thôn Đ, U, Đ, Hà Nội.

2. Hội Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1, thôn Đ, U, Đ.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ và UBND huyện Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa trình bày:

Năm 2004, gia đình ông T1 kê khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất. Ngày 10/5/2004 Ủy ban nhân dân xã U ban hành Thông báo về việc công khai hồ sơ xét cấp GCNQSD đất, do Hội đồng đăng ký đất đai, xét cấp GCNQSD đất của xã xem xét đối với các trường hợp đủ điều kiện đề nghị cấp GCNQSD đất, trong đó có gia đình ông Đào Tấn T1.

Ngày 25/5/2004 Ủy ban nhân dân xã U có Tờ trình về việc phê duyệt cấp GCNQSD đất ở, đất ao và đất vườn liền kề khu vực nông thôn đối với 177 hộ gia đình, cá nhân, với tổng diện tích 51.682,3m² đất đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất.

Căn cứ vào Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã U và hồ sơ xin GCNQSD đất của các hộ gia đình, cá nhân, ngày 20/8/2004 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định số 738/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất ở và đất vườn ao liền kề cho các hộ gia đình, cá nhân xã U. GCNQSD đất của gia đình ông Đào Tấn T1 mang mã số Đ256387 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp đối với 02 thửa đất: thửa số 52 diện tích 93m² và thửa số 50 diện tích 500m², tại thôn Đ, xã U.

Ngày 14/11/2004 Ủy ban nhân dân xã U có Công văn số 37/CV-UB về việc xin hủy sổ cấp GCNQSD đất ở của chủ sử dụng đất ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U.

Ngày 17/11/2004 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U.

Ông Đào Tấn T1 có đơn khiếu nại Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U, Đ, Hà Nội.

Ngày 28/10/2008 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 718/QĐ-UBND về việc thụ lý giao nhiệm vụ, xác minh, kết luận đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, Uy N giao Thanh tra xác minh khiếu nại của ông Đào Tấn T1.

Ngày 02/01/2009, Thanh tra huyện có Kết luận 01/KL-TT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U.

Ngày 17/4/2009 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1, thôn Đ, U, Đ.

Việc giải quyết khiếu nại nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện theo Luật Khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc Ban hành quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thành phố Hà Nội.

- Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thì đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Do điều kiện công việc nên ông Đ không đến tham dự phiên tòa được, nên ông làm đơn này xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa trong trường hợp vụ án phải đưa ra xét xử.

UBND xã U trình bày:

Ủy ban nhân dân xã U, Đ, Hà Nội vẫn giữ nguyên ý kiến theo văn bản số 37/CV-UB ngày 14/11/2004 đã gửi Ủy ban nhân dân huyện Đ và Phòng địa chính nhà đất huyện Đ, về việc Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét ra Quyết định hủy bỏ GCNQSD đất của gia đình ông Đào Tấn T1. Đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 27/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 50 và 52, tờ bản đồ số 76 tại địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi đo vẽ thì thửa đất số 50 diện tích 504,4m² và thửa đất số 52 diện tích 88,3m².

Tại phiên tòa: Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Ủy ban nhân dân xã U vắng mặt.

Bà Phương A trình bày: Trong đơn khởi kiện chị và ông T1, bà S ghi người bị kiện lúc là Ủy ban nhân dân huyện Đ lúc là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Sau khi được nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan thì chị được biết: Việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 là công việc của Ủy ban nhân dân huyện Đ và việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1 là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Cho nên, chị xác định người bị kiện trong vụ án hành chính mà chị và ông T1, bà S khởi kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Chị và ông T1, bà S cam đoan không khiếu nại lên cấp trên là Ủy ban nhân dân thành phố H và chỉ đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải quyết vụ án.

Chị và ông T1, bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

*** Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- **Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:** TAND thành phố Hà Nội thụ lý vụ án hành chính về Yêu cầu hủy các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- **Về thời hiệu khởi kiện:** Theo sổ hộ khẩu gia đình ông T1 cung cấp, tại thời điểm cấp GCNQSD đất năm 2004, chị Đào Thị Phương A là thành viên trong hộ gia đình. Chị Phương A khai chị không biết việc UBND huyện Đ cấp, thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình chị và giải quyết đơn khiếu nại của bố chị. Chị chỉ biết việc này khi bố mẹ chị khởi kiện ra Tòa án.

- Tài liệu trong hồ sơ không thể hiện UBND huyện Đ có thông báo cho chị Phương A khi tiến hành các thủ tục này.

- Theo địa chỉ đương sự cung cấp, chị Phương A không sống cùng với ông T1, bà S.

Như vậy, có căn cứ để xác định tính đến thời điểm ngày 09/11/2021, chị Phương A mới biết về các quyết định hành chính nêu trên. Ngày 11/11/2021, chị Phương A khởi kiện là trong thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành

chính; Ông T1, bà S khởi kiện là hết thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- ***Quan điểm giải quyết vụ án.***

+ ***Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện;***

- Đối với Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1: Theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật Đất đai năm 2003, UBND huyện Đ ban hành là đúng thẩm quyền.

- Đối với Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1: Theo quy định tại Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, UBND huyện Đ không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, thẩm quyền này là của Chủ tịch UBND huyện Đ.

+ ***Về nội dung của các Quyết định hành chính.***

- ***Xét Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của UBND huyện Đ về việc thu hồi – hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1:***

Theo nội dung Quyết định số 1158/QĐ-UBND, UBND huyện Đ căn cứ đề nghị của UBND xã U tại Công văn số 37/CV-UB ngày 14/11/2004 và Báo cáo số 28/BC-ĐCNDĐT ngày 15/11/2004 của Trưởng phòng Địa chính, nhà đất và đô thị, xác định thửa đất số 52 thuộc tờ bản đồ số 76 diện tích 93m² là lối đi tập thể không phải đất của gia đình ông T1 nên ra Quyết định thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1 ngày 02/01/2009 của Thanh tra Huyện Đ và các tài liệu có trong hồ sơ xác định:

+ Hộ gia đình ông Đào Tấn T1 được giao phần đất ở và ngõ đi duy nhất vào nhà ông tại thôn Đ, xã U, huyện Đ, TP . Hà Nội từ trước khi có Luật Đất đai năm 1987. Việc sử dụng đất của gia đình ông liên tục, ổn định từ đó đến nay, đã được đo đạc vào bản đồ địa chính năm 1988 (thể hiện trong sổ mục kê có ngõ đi không mang tên ai) và bản đồ địa chính đo đạc năm 1995 (thể hiện cả hai thửa đất đều mang tên ông Đào Tấn T1 trong sổ dã ngoại và bản đồ), không có tranh chấp ranh giới với các thửa đất liền kề. Hơn nữa, theo Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 10/11/2004 của UBND xã U thể hiện: “*Các quá trình cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Đào Tấn T1 đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là đúng theo hồ sơ quản lý*”.

Năm 2004, gia đình ông T1 đã kê khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất và được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất mà gia đình ông đang sử dụng (thửa 50, thửa 52 tờ bản đồ số 76) là phù hợp với Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, Quyết định số 65/2001/QĐ-UBND ngày 29/8/2001 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về cấp GCNQSD đất ở, đất ao và vườn liền kề khu dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Như vậy, căn cứ thu hồi đất được nêu trong Quyết định số 1158/QĐ-UBND là không đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật Đất đai năm 2003. Thửa đất số 52 tờ bản đồ số 76 diện tích 93m² tại thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông T1, không phải đất tập thể. UBND huyện không tiến hành xác minh, lấy ý kiến về nguồn gốc đất thửa đất số 52 tờ bản đồ số 76 trước khi thu hồi

GCNQSD đất dẫn đến xác định không đúng thực trạng, nguồn gốc sử dụng thửa đất số 52 tờ bản đồ số 76 tại thôn Đ, xã U, huyện Đ, TP . Hà Nội.

Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của UBND huyện Đ về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 là không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị Phương A là có căn cứ pháp luật.

- Xét Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1.

Quyết định số 446/QĐ-UBND có nội dung: Việc ông Đào Tấn T1 khiếu nại Quyết định số 1158/QĐ-UBND là không có cơ sở.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, Quyết định số 1158/QĐ-UBND là không có căn cứ, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của hộ gia đình ông T1. Dẫn đến Quyết định số 446/QĐ-UBND không phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Phương A là có cơ sở để chấp nhận.

VKSND thành phố Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Phương A về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND huyện Đ.

- Về án phí: UBND huyện Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 là Quyết định hành chính được ban hành trong quá trình quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/4/2009 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1, thôn Đ, U, Đ.

Ngày 09/11/2021 ông T1, bà S, chị Phương A có đơn khởi kiện hành chính đối với Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đến Tòa án.

Theo sổ hộ khẩu gia đình ông T1 cung cấp, tại thời điểm cấp GCNQSD đất, chị Phương A là thành viên trong hộ gia đình. Chị Phương A đã đi lấy chồng và về ở tại M, B, Đ, Hà Nội nên hoàn toàn không biết việc gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Phương A cũng không biết việc UBND huyện Đ thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình chị và giải quyết đơn khiếu nại của bố chị. Chị chỉ biết việc này khi bố mẹ chị khởi kiện ra Tòa án. Tài liệu trong hồ sơ không thể hiện UBND huyện Đ có việc thông báo hoặc giao nhận Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 cho chị Phương A.

Như vậy, có căn cứ để xác định, tính đến thời điểm ngày 09/11/2021, chị Phương A mới biết về các Quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên. Do đó, chị Phương A khởi kiện là trong thời hạn khởi kiện, vẫn đảm bảo thời hiệu tại thời điểm chị Phương A biết và ký đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Còn ông T1, bà S khởi kiện là hết thời hạn theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà S.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Sau khi hộ gia đình ông Đào Tấn T1 được cấp GCNQSD đất thì đã có đơn thư của nhân dân thắc mắc về việc cấp GCNQSD đất cho gia đình ông T1 đối với thửa đất mà trước đây gia đình ông T1 sử dụng làm ngõ đi (thửa số 52 tờ bản đồ số 76 diện tích 93m²).

Ngày 14/11/2004 Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, Hà Nội có Công văn số 37/CV-UB gửi Ủy ban nhân dân huyện Đ và Phòng địa chính nhà đất huyện Đ, về việc Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét ra Quyết định hủy GCNQSD đất của gia đình ông Đào Tấn T1.

Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại Thôn Đ, U, Đ, Hà Nội với nội dung là cấp sai các phần diện tích lối đi tập thể tại thửa số 52 diện tích 93m² thuộc tờ bản đồ số 76 cho hộ gia đình ông T1.

Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND, sau 03 ngày khi Ủy ban nhân dân xã U có Công văn số 37/CV-UB, mà chưa thụ lý giao nhiệm vụ, xác minh, kết luận để thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U là rất gấp gáp. Cho nên, ông T1 đã khiếu nại Quyết định số 1158/QĐ-UBND.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 28/10/2008, người bị kiện ban hành Quyết định số 718/QĐ-UBND về việc thụ lý giao nhiệm vụ, xác minh, kết luận đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1. Căn cứ vào kết luận của Thanh tra huyện Đ ngày 02/01/2009, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 và Luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo. Tuy nhiên, việc Phó chủ tịch UBND huyện Đ ký Quyết định giải quyết khiếu nại là chưa phù hợp nhưng cũng không thay đổi bản chất của sự việc trả lời đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1.

Kết luận của Thanh tra huyện Đ cụ thể như sau:

1. Nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất:

Ngày 10/11/2004, UBND xã U có Báo cáo số 30/BC-UB về việc cấp GCNQSD đất hộ gia đình ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội, có nêu: "Thời kì năm

1966, gia đình ông T1 có 720m² đất ở giữa làng. Thời kì năm 1971, Hợp tác xã Cường N1 đã cho gia đình người khác là bà Đ1 (hộ gia đình bà sơ tán từ khu vực ga Đ về thôn Đ ở). Hiện nay bà Đ1 vẫn sử dụng đất của gia đình ông T1 để ở".

Cùng thời điểm đó (1971-1973), Hợp tác xã C1 cấp trả cho gia đình ông T1 thửa đất khác, có lối đi duy nhất vào thửa đất, thuộc thôn Đ, xã U. Việc giao đất không có văn bản gì, gia đình ông T1 sử dụng thửa đất đó từ đó đến nay.

Năm 1978, gia đình ông T1 làm nhà trên thửa đất được cấp, ngõ đi vẫn được gia đình ông sử dụng, giáp với nương thoát nước của xóm N.

Năm 1983, gia đình ông T1 làm quán bán hàng trên phần ngõ đi duy nhất mà gia đình ông vẫn sử dụng.

Thời điểm năm 2003, khi làm đường trục (đường C hiện nay), nương nước của xóm Ngoài được lấp, gia đình ông T1 mở thêm cổng ra phần nương đã lấp, giáp với phần đất làm ngõ đi mà gia đình ông đã làm quán bán hàng và sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Hiện nay, gia đình ông T1 đang sử dụng cả phần ngõ đi là nương nước xóm N đã được lấp mà gia đình ông thuê của xóm N.

Ngày 20/8/2004, UBND Huyện có Quyết định số 738/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất cho một số hộ gia đình trên địa bàn Huyện trong đó có gia đình ông Đào Tấn T1 ở thôn Đ, xã U. Gia đình ông T1 được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất tại thôn Đ (một thửa là đất ở phía trong và một thửa là ngõ đi duy nhất do gia đình ông sử dụng từ thời điểm được cấp thửa đất phía trong).

2. Việc cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Đào Tấn T1 và quá trình xử lý hủy bỏ, thu hồi GCNQSD đất đối với gia đình ông.

Theo trình bày của công dân và các tài liệu, hồ sơ mà UBND xã U cung cấp, năm 2004, gia đình ông T1 kê khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất.

Ngày 10/5/2004, UBND xã ra Thông báo về việc công khai hồ sơ xét cấp GCNQSD đất, do Hội đồng đăng kí đất đai, xét cấp GCNQSD đất của xã xem xét đối với các trường hợp đủ điều kiện đề nghị cấp GCNQSD đất, trong đó có gia đình ông Đào Tấn T1.

Ngày 25/5/2004, UBND xã U có Tờ trình về việc phê duyệt cấp GCNQSD đất ở, đất ao và đất vườn liền kề khu vực nông thôn đối với 177 hộ gia đình, cá nhân, với tổng diện tích 51.682,3m² đất đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất. Theo tài liệu mà UBND xã U cung cấp, trong quá trình lập hồ sơ cấp GCNQSD đất, Biên bản xét cấp GCNQSD đất ở, đất và ao vườn liền kề đối với 177 hộ gia đình, cá nhân của Hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã U chỉ có chữ kí của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội đồng mà không có chữ kí của các thành viên. Ngày 10/5/2004, UBND xã ra Thông báo về việc công khai hồ sơ xét cấp GCNQSD đất, do Hội đồng đăng kí đất đai, xét cấp GCNQSD đất của xã xem xét đối với các trường hợp đủ điều kiện đề nghị cấp GCNQSD đất. Ngày 19/5/2008, Hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã U lập biên bản kết thúc công khai hồ sơ xét cấp GCNQSD đất ở, đất ao và đất vườn liền kề, biên bản chỉ có chữ kí của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội đồng.

Căn cứ Tờ trình của UBND xã U và hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của các hộ gia đình, cá nhân, ngày 20/8/2004 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 738/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất ở và đất vườn ao liền kề cho các hộ gia đình, cá nhân xã U trong đó có gia đình ông Đào Tấn T1 ở thôn Đ, xã U.

Sau khi gia đình ông T1 được cấp, một số công dân ở thôn Đ có đơn đề nghị xem xét lại việc cấp GCNQSD đất cho gia đình ông đối với đất mà trước đây gia đình ông sử dụng làm ngõ đi (thửa số 52 diện tích 93m²).

Ngày 10/11/2004, UBND xã U có Báo cáo số 30/BC-UB về việc cấp GCNQSD đất hộ gia đình ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U, huyện Đ, Hà Nội, có nêu: "Các quá trình cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Đào Tấn T1 đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là đúng theo hồ sơ quản lý".

Ngày 14/11/2004, UBND xã U có công văn số 37/CV-UB về việc xin hủy sổ cấp GCNQSD đất ở của chủ sử dụng đất ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U. Nội dung công văn vẫn khẳng định việc kê khai hồ sơ của gia đình ông T1 đã đầy đủ, bản kê khai đã có chữ kí của trưởng thôn và các hộ liền kề xung quanh, không có tranh chấp giữa các hộ. Sau khi nêu ý kiến của một số công dân, UBND xã U đề nghị UBND Huyện xem xét ra quyết định hủy GCNQSD đất số Đ256387 của gia đình ông Đào Tấn T1.

Ngày 17/11/2004, UBND Huyện ban hành Quyết định số 1158/ĐĐ-UB về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U.

Ngày 27/11/2008, Thanh tra Huyện làm việc với UBND xã U, cán bộ thôn Đ. Tại buổi làm việc ông Đặng Bá S3, Phó chủ tịch UBND xã U, nguyên cán bộ địa chính xã thời điểm năm 2004, báo cáo: *"theo quy định tại Quyết định số 65 của UBND Thành phố thì quy trình cấp GCNQSD đất đối với gia đình ông T1 không có gì sai. Thửa đất đó là lối đi duy nhất vào nhà ông T1, được gia đình ông T1 sử dụng. Thửa đất được đo vẽ vào bản đồ đứng tên gia đình ông T1. Theo quy định, thửa đất có tên trong bản đồ địa chính, sử dụng ổn định, U làm thủ tục để cấp GCNQSD đất, việc cấp GCNQSD đất cho gia đình ông T1 là đúng"*. Ông Nguyễn Ngọc Đ2, trưởng thôn Đản Dị có ý kiến: *"Đồng tình với việc hủy GCNQSD đất theo quyết định của UBND Huyện. Nguồn gốc thửa đất không phải là của gia đình ông T1, là đất tập thể"*.

Ngày 12/12/2008, làm việc với Thanh tra H1, Ông Đỗ Trường S4, nguyên trưởng thôn Đản Dị thời điểm năm 2004, báo cáo: *"Nguồn gốc thửa đất mà gia đình ông T1 đang có đơn là lối đi duy nhất vào thửa đất phía trong của gia đình ông T1. Gia đình ông T1 đã sử dụng phần đất đó từ thời điểm trước năm 1990 rất lâu. Năm 1979, đào mương nước xóm N, giáp với phần đất của gia đình ông T1 đang sử dụng."*

Ngày 06/01/2009, phòng T3 có công văn số 02/CV-TNMT: *"Căn cứ hồ sơ do UBND xã U trình, phòng Địa chính nhà đất và đô thị (nay là phòng T3) đã thẩm tra hồ sơ và căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND Thành phố H thì hộ gia đình ông Đào Tấn T1 đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất tại 2 thửa đất nêu trên."*. Tuy vậy, cũng theo nội dung công văn này: *"Căn cứ Tờ trình đề nghị hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình ông Đào Tấn T1 của UBND xã U, căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND Thành phố H; Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 15/11/2004 Phòng địa chính nhà đất V (nay là phòng T3) đã có báo cáo số 28/BC-ĐCNDĐT báo cáo UBND Huyện và tham mưu cho UBND Huyện ra Quyết định số 1158/QĐ-UB về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 76, diện tích 93m²".* Ngoài ra, phòng T3 không cung cấp được hồ sơ, tài liệu nào có liên quan (kể cả Báo cáo số 28/BC-ĐCNDĐT ngày 15/11/2004).

3. Hiện trạng sử dụng đất

Ngày 09/12/2008, Thanh tra Huyện phối hợp với UBND xã U kiểm tra hiện trạng tại thửa đất mà gia đình ông T1 đang có đơn. Tại buổi kiểm tra, Đoàn kiểm tra nhận thấy hiện gia đình ông T1 đang sử dụng, đã có 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m², phần còn lại vẫn sử dụng làm ngõ đi duy nhất vào thửa đất phía trong của gia đình ông.

Vị trí thửa đất: Phía đông giáp nương nước xóm ngoài. Phía bắc giáp thửa đất phía trong của gia đình ông T1. Phía nam giáp đường C. Phía tây giáp hộ gia đình ông Ngô Văn C.

4. Hồ sơ địa chính

Theo bản đồ đo đạc năm 1988, gia đình ông Đào Tấn T1 có thửa đất số 121, tờ bản đồ số 5A, diện tích 467m² và ngõ đi duy nhất vào nhà ông T1 mang số 194, diện tích 69m².

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995, đất của hộ gia đình ông T1 có 02 thửa: thửa số 50, tờ bản đồ số 76 có diện tích 500m² và thửa số 52, tờ bản đồ số 76, bản đồ địa chính xã U, có diện tích 93m².

Trong sổ dã ngoại khi đo đạc bản đồ năm 1995, hai thửa đất trên đều mang tên ông Đào Tấn T1 và có chữ kí của ông T1.

5. Nhận định

Hộ gia đình ông Đào Tấn T1 đã được giao đất tại thôn Đ, xã U từ trước khi có Luật đất đai năm 1987. Khi giao đất, gia đình ông được sử dụng phần đất ở và ngõ đi duy nhất vào nhà ông. Việc sử dụng đất của gia đình ông liên tục, ổn định từ đó đến nay, đã được đo đạc vào bản đồ địa chính năm 1988 (thể hiện trong sổ mục kê có phần ngõ đi không mang tên ai) và bản đồ địa chính đo đạc năm 1995 (thể hiện cả 02 thửa đất đều mang tên ông Đào Tấn T1 trong sổ dã ngoại và bản đồ).

Năm 2004, gia đình ông T1 đã kê khai hồ sơ xin cấp GCNQSD đất và được UBND Huyện cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất mà gia đình ông đang sử dụng là phù hợp với Luật đất đai năm 2003, Quyết định số 65/2001/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về cấp GCNQSD đất ở, đất ao và vườn liền kề khu dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo tài liệu mà UBND xã U cung cấp, việc dân chủ, công khai trong quy trình xét cấp GCNQSD đất đối với các hộ gia đình, cá nhân thôn Đ tại thời điểm năm 2004 là chưa chặt chẽ, dẫn đến hiểu lầm, thắc mắc trong nhân dân không được giải quyết kịp thời, trách nhiệm thuộc về các ông (bà) trong Hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã U và lãnh đạo UBND xã U tại thời điểm liên quan, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Phòng Địa chính nhà đất và đô thị (nay là phòng T3) với trách nhiệm thẩm định hồ sơ xin cấp GCNQSD đất để tham mưu cho UBND Huyện cấp GCNQSD đất đã không làm hết trách nhiệm thẩm định, không phát hiện ra thiếu sót trong hồ sơ trình cấp GCNQSD đất của một số hộ gia đình xã U (chưa đảm bảo dân chủ, công khai). Hiện tại, phòng Tài nguyên môi trường không tìm thấy hồ sơ lưu giữ về việc cấp và hủy GCNQSD đất đối với ông Đào Tấn T1, nhiệm vụ lưu trữ, quản lý hồ sơ của công dân, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn không hoàn thành, trách nhiệm trước hết thuộc về lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của Phòng tại thời điểm liên quan, cần nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.

Khi có đơn của một số công dân, theo đề nghị của UBND xã U, căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 1984, Phòng Địa chính nhà đất và đô thị H1 (nay là phòng Tài nguyên môi

trường) tham mưu cho UBND Huyện ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UB ngày 17/11/2004 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U là cần thiết để tiến hành kiểm tra, xác minh.

6. Kết luận

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, qua kiểm tra, xác minh, việc ông Đào Tấn T1 khiếu nại Quyết định số 1158/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của UBND huyện Đ về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 thôn Đ, xã U, là không có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ Điều 50 Luật đất đai năm 2003, Điều 3 và Điều 7 Quy định về việc cấp GCNQSD đất cùng với quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội, được ban hành kèm theo Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND ngày 09/5/2008 của UBND thành phố H, thửa đất của gia đình ông Đào Tấn T1 có nguồn gốc do tập thể giao, việc sử dụng đất ổn định, liên tục từ thời điểm trước năm 1993, đã được đo đạc vào bản đồ địa chính, ông Đào Tấn T1 đang có đơn đề nghị, là đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSD đất.

[2.3] Như vậy, Kết luận 01/KL-TT của Thanh tra huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Tấn T1 tại thôn Đ, U đã xác định rõ 02 thửa đất: thửa số 52 diện tích 93m² và thửa số 50 diện tích 500m², tại thôn Đ, xã U là Hộ gia đình ông T1 đã được giao đất trước khi có Luật đất đai năm 1987, không phải đất tập thể. Khi giao đất, gia đình ông T1 được sử dụng phần đất ở và ngõ đi duy nhất vào nhà ông.

Tòa án cũng đã xác minh các hộ liền kề với gia đình ông T1 thì thấy ranh giới giữa các thửa đất rõ ràng, các bên không có tranh chấp, khiếu nại gì khi gia đình ông T1 được cấp GCNQSD đất.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 về việc thu hồi, hủy GCNQSD đất của hộ gia đình ông T1 tại Thôn Đ, U với nội dung: Cấp sai các phần diện tích lối đi tập thể tại thửa số 52 diện tích 93m² thuộc tờ bản đồ số 76 cho hộ gia đình ông T1 là không đúng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng quy trình xét cấp GCNQSD đất đối với các hộ gia đình, cá nhân thôn Đ, xã U tại thời điểm năm 2004 là chưa chặt chẽ, dẫn đến hiểu lầm, thắc mắc trong nhân dân không giải quyết kịp thời, thì cũng đã được Thanh tra huyện Đ kết luận. Tuy nhiên, việc này cũng không thay đổi nội dung là hộ gia đình ông T1 được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất: thửa số 52 diện tích 93m² và thửa số 50 diện tích 500m², tại thôn Đ, xã U.

Hộ gia đình ông T1 không cần thiết phải làm lại hồ sơ để được cấp lại GCNQSD đất để tránh phiền hà trong nhân dân tại địa phương cũng như công việc hành chính của các đơn vị liên quan.

[2.4] Ngày 27/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 50 và 52, tờ bản đồ số 76 của gia đình ông T1 thì thấy rằng: Các ranh giới của các hộ liền kề đã có tường ngăn, mốc giới rõ ràng. Diện tích sai lệch trong GCNQSD đất là không đáng kể, có thể là do đo đạc từ những năm 2004 bằng các phương pháp thô sơ nên không chính xác hoặc thửa đất 52 để lại một phần đất làm đường đi chung của thôn.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên, thấy rằng việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND là không cần thiết.

Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 cũng không chỉ ra việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 1158/QĐ-UBND là có cơ sở.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người chị Phương A, hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trên.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp phần nhiều với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho chị Đào Thị Phương A. Ông T1, bà S được miễn án phí hành chính sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; 143; 144; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;
- Luật đất đai năm 2003;
- Luật Khiếu nại, tố cáo số 09/1998/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;
- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;
- Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;
- Quyết định số 65/2001/QĐ-UBND ngày 29/8/2001 của UBND thành phố H;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Phương A.
2. Hủy toàn bộ các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:
 - 2.1. Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đào Tấn T1 thôn Đ, xã U.
 - 2.2. Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Tấn T1, thôn Đ, xã U, huyện Đ.
3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T (Đào Tấn T1) và bà Đỗ Thị S do hết thời hiệu khởi kiện.
4. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho chị Đào Thị Phương A số tiền 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Biên lai số 0001323 ngày 05/01/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Đào Văn T (Đào Tấn T1) và bà Đỗ Thị S được miễn án phí hành chính sơ thẩm vì là người cao tuổi.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN NGỌC HÒA